

PHÂN LOẠI HÀNH VI NGÔN NGỮ CẦU KHIẾN TRONG VĂN BẢN HÀNH CHÍNH

VŨ NGỌC HOA

(Trường Cao đẳng Nội vụ Hà Nội)

1. Đặt vấn đề

Sử dụng bốn tiêu chí: đích ở lời, hướng khớp ghép lời với hiện thực, trạng thái tâm lí được thể hiện, nội dung mệnh đề trong số mười hai tiêu chí, J.Searle đã phân lập năm loại hành vi ngôn ngữ (HVNN): hành vi biểu hiện, hành vi điều khiển, hành vi cam kết, hành vi biểu cảm và hành vi tuyên bố.

Năm HVNN trên là những hành vi có tính chất phạm trù. Chúng có thể được tiếp tục phân lập thành những HVNN nhỏ hơn. Trong bài viết này, vận dụng các tiêu chí của J.Searle: tính quan yếu của quan hệ liên cá nhân, sức mạnh của đích ở lời, nội dung mệnh đề và hai tiêu chí khác: lợi ích của người phát ngôn và người tiếp nhận, tính áp đặt, chúng tôi tiến hành phân loại các hành vi ngôn ngữ cầu khiến (HVNNCK) trong văn bản hành chính (VBHC).

VBHC được hiểu là loại văn bản dùng trong các hoạt động tổ chức, quản lí và điều hành xã hội để truyền đạt thông tin, các mệnh lệnh quản lí và thực hiện sự giao tiếp giữa các cơ quan nhà nước với nhân dân và ngược lại; giữa các tổ chức, cơ quan với nhau và với quần chúng.

2.1. Quan niệm về hành vi ngôn ngữ cầu khiến

Quan điểm của các nhà ngôn ngữ học về HVNNCK hiện nay vẫn chưa thống nhất.

Theo nghĩa rộng, cầu khiến là hành vi mà thông qua đó người phát ngôn mong muốn hoặc áp đặt người tiếp nhận thực hiện hoặc không thực hiện hành động bất kể hành động đó có lợi hay có hại cho người phát ngôn hay người tiếp nhận tức là HVNNCK vừa có hiệu lực cầu vừa có hiệu lực khiến [1], [4], [5], [Austin- How to

do things with words; Cao Xuân Hạo - *Sơ thảo ngữ pháp chức năng* (Dẫn theo 5,35)], [12]. Với cách hiểu rộng trên, HVNNCK tương đồng với hành vi ngôn ngữ điều khiển trong hệ thống phân loại của J.Searle. Theo nghĩa hẹp, cầu khiến được hiểu là hành vi mà người phát ngôn thực hiện nhằm áp đặt người tiếp nhận thực hiện hoặc không thực hiện hành động để đem lại lợi ích cho người phát ngôn và thường gây thiệt hại cho người tiếp nhận tức là HVNNCK chỉ có hiệu lực khiến [S.C. Levinson (Dẫn theo 5,35)], [13,127].

Trong bài viết này, chúng tôi xác định hành vi cầu khiến theo nghĩa rộng. Bởi trong quan niệm của người Việt, cầu khiến không chỉ có ý sai khiến mà cả mong muốn, nhờ vả.

HVNNCK gồm các HVNN như: buộc, cấm, cho phép, chỉ định, chỉ thị, cử, đề nghị, giao, hạ lệnh, kiến nghị, lệnh, mong, nài, nhờ, ra lệnh, phân công, xin, van, yêu cầu... Trong VBHC, không xuất hiện tất cả các HVNNCK mà chỉ có những HVNNCK như: buộc, cấm, cho phép, chỉ định, chỉ thị, cử, đề nghị, giao, hạ lệnh, kiến nghị, lệnh, mong, ra lệnh, phân công, xin, yêu cầu...

2.2. Phân loại các hành vi ngôn ngữ cầu khiến trong văn bản hành chính

2.2.1. Ở bước phân loại đầu tiên, ba tiêu chí tính áp đặt, tính quan yếu của mối quan hệ liên cá nhân, lợi ích của người phát ngôn và người tiếp nhận được sử dụng để phân chia HVNNCK trong VBHC thành hai loại: hành vi ngôn ngữ cầu và hành vi ngôn ngữ khiến.

2.2.1.1. Hành vi ngôn ngữ cầu

- HVNN cầu không có tính áp đặt, người tiếp nhận có thể thực hiện hoặc không. J.Lyons cho

rằng: “Khi thỉnh cầu (chứ không phải nêu mệnh lệnh hoặc ra lệnh), người nói biểu thị ý của họ muốn điều gì đó xảy ra, nhưng họ cũng thừa nhận một cách rõ ràng rằng người nghe có quyền không tuân theo” [7, 265].

Ví dụ 1: *Em kính mong Khoa Hành chính học xem xét, giải quyết.*

(Đơn xin kiểm tra bổ sung môn Thủ tục hành chính)

Phát ngôn này thể hiện nguyện vọng của một sinh viên muốn được kiểm tra bổ sung vì sinh viên này đã thiếu điểm kiểm tra điều kiện. Nguyện vọng này sẽ được Khoa Hành chính học đáp ứng nếu sinh viên nghĩ có phép còn nếu sinh viên nghĩ không có phép thì sẽ không được kiểm tra bổ sung và bị nhận điểm 0 (không) theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Về quan hệ liên cá nhân trong HVNN cầu: Vị thế giao tiếp của người phát ngôn thường thấp hơn vị thế của người tiếp nhận. Phát ngôn cầu thường xuất hiện trong văn bản của cấp dưới gửi cấp trên hoặc cá nhân gửi tổ chức, cơ quan. Do vậy, phát ngôn cầu xuất hiện nhiều trong các VBHC thông thường như tờ trình, công văn, đơn đề nghị.

Ví dụ 2: *Để bảo đảm kịp tiến độ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bộ Xây dựng kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ thông qua nội dung dự thảo nêu trên và đồng ý đề Bộ trưởng Bộ Xây dựng thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ kí Tờ trình của Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội để nghị thông qua Nghị quyết (nếu Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết) hoặc trình Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126 của Luật Nhà ở (nếu Ủy ban Thường vụ Quốc hội yêu cầu phải trình Quốc hội thông qua) với nội dung sửa đổi nêu trên.*

(Tờ trình số 80 /TTr-BXD ngày 10 tháng 9 năm 2008 của Bộ Xây dựng về dự án Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126 của Luật Nhà ở)

Phát ngôn ngữ vi trên trong Tờ trình của Bộ Xây dựng gửi Thủ tướng Chính phủ.

- HVNN cầu có lợi ích thuộc về người phát ngôn. Trong VBHC, lợi ích này có thể là lợi ích của cá nhân hoặc lợi ích của tập thể (cơ quan ban hành văn bản).

2.1.2. Hành vi ngôn ngữ khiến

- HVNN khiến có tính áp đặt cao, người tiếp nhận không được thực hiện hoặc phải thực hiện hành động nêu trong nội dung mệnh đề. Tính áp đặt trong VBHC đặc biệt là trong các văn bản quy phạm pháp luật trở thành tính cưỡng chế. Hành vi trong tương lai của người tiếp nhận theo Lê Đình Tường [12] nằm trong dự tính của người phát ngôn. Hơn thế nữa, hành vi này trong phát ngôn cầu khiến trong VBHC còn được bảo đảm thi hành bằng pháp luật. Do vậy, trong các văn bản pháp luật, người phát ngôn không chỉ “nhìn thấy trước kết quả nội dung cầu khiến” mà còn “dự tính” cả biện pháp cưỡng chế khi đối tượng thi hành thực hiện hành vi mà pháp luật cấm đoán và không thực hiện hành vi mà pháp luật bắt buộc. Điều này thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Biện pháp cưỡng chế này được thể hiện trong phần chế tài của quy phạm pháp luật. “Chế tài là một phần của quy phạm pháp luật chỉ ra các biện pháp mang tính chất trừng phạt mà các chủ thể có thẩm quyền áp dụng quy phạm có thể áp dụng đối với các chủ thể vi phạm pháp luật không thực hiện đúng những mệnh lệnh đã được nêu trong phần quy định của quy phạm pháp luật” [11, 391]

Ví dụ 3: Luật Giao thông đường bộ đã quy định:

Cấm vượt xe khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Không bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Trên cầu hẹp có một làn xe;

c) Dưới gầm cầu vượt, đường vòng, đầu dốc và các vị trí khác có tầm nhìn hạn chế;

d) Nơi đường giao nhau, đường bộ giao cắt đường sắt;

đ) Khi điều kiện thời tiết hoặc đường không bảo đảm an toàn cho việc vượt;

e) Xe ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ.

(Khoản 5 Điều 14 – Luật Giao thông đường bộ)

Nếu ai vi phạm điều đã được quy định trên thì sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định của Nghị định số 146/2007/NĐ-CP:

Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển xe vi phạm một trong các hành vi sau đây:

a) (...)

b) Vượt trong các trường hợp cấm vượt; không có báo hiệu trước khi vượt; chuyển hướng đột ngột ngay trước đầu xe khác;

c) (...)

(Khoản 5 Điều 8 Nghị định số 146/2007/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ)

- Về quan hệ liên cá nhân trong HVNN khiến: Vị thế giao tiếp của người phát ngôn cao hơn vị thế của người tiếp nhận. Phát ngôn khiến xuất hiện trong văn bản của cấp trên gửi cấp dưới hoặc tổ chức, cơ quan gửi cá nhân. Phát ngôn khiến xuất hiện nhiều trong các văn bản pháp luật như hiến pháp, luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư...

- HVNN khiến thường có lợi ích thuộc về người phát ngôn, đôi khi thuộc về cả người tiếp nhận.

2.2.2. Ở bước phân loại tiếp theo sẽ được sử dụng là các tiêu chí của J.Searle như: Sức mạnh của đích ở lời, nội dung mệnh đề để phân loại các HVNN cầu và HVNN khiến.

2.2.2.1. Phân loại các HVNN cầu

Theo tiêu chí sức mạnh của đích ở lời, có thể tiếp tục phân loại HVNN cầu thành:

+ HVNN cầu có hiệu lực mạnh

+ HVNN cầu có hiệu lực trung bình: mong, kiến nghị, đề nghị...

+ HVNN cầu có hiệu lực yếu: không tồn tại trong thực tế, bởi khi thể hiện nguyện vọng của mình, người phát ngôn chỉ muốn tác động mạnh tới người tiếp nhận.

Tuy nhiên, những HVNN cầu có hiệu lực mạnh thể hiện tính chủ quan, tính cá nhân của người phát ngôn rất cao, không phù hợp với tính khách quan của phong cách hành chính công vụ, nên không thấy xuất hiện trong VBHC. Do vậy, trong loại văn bản này, người phát ngôn thường gia tăng hiệu lực của HVNN cầu bằng việc sử dụng phụ từ chỉ mức độ **rất** (*rất mong*).

Ví dụ 4: **Rất mong** sự có mặt đầy đủ và đúng giờ của các bậc phụ huynh học sinh để buổi họp đạt kết quả tốt.

(Giấy mời họp phụ huynh học sinh lớp 2D của Trường Tiểu học Dịch Vọng A - Quận cầu Giấy - Hà Nội ngày 22 tháng 5 năm 2009)

Theo tiêu chí nội dung mệnh đề, có thể phân loại HVNN cầu trong VBHC thành hai loại:

+ Cầu để nhận được thông tin: Vì thiếu thông tin nên thông qua hành động cầu, người phát ngôn tạo ra một xung lực kích thích hành động ở người tiếp nhận, mong muốn người tiếp nhận cung cấp thông tin để bù đắp sự thiếu hụt đó.

Ví dụ 5: *Trên đây là một số vướng mắc khi thực hiện Nghị định số 12/2006/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Y tế, Tổng cục Hải quan xin trao đổi và đề nghị Bộ Y tế cho ý kiến.*

(Công văn số 3383/TCHQ-GSQL ngày 28 tháng 7 năm 2006 của Bộ Tài chính - Tổng Cục Hải quan về việc vướng mắc khi thực hiện Thông tư hướng dẫn Nghị định số 12/2006/NĐ-CP)

Trong ví dụ trên, Tổng Cục Hải quan muốn được có thông tin chỉ đạo từ Bộ Y tế để giải quyết một số vướng mắc khi thực hiện Nghị định số 12/2006/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Y tế.

+ Cầu để nhận được hành động: Người phát ngôn mong muốn người tiếp nhận tác động tới thực tế khách quan.

Ví dụ 6: **Đề nghị Ban Chỉ đạo quốc gia kỉ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội cấp kinh phí thực hiện các hoạt động nêu trên.**

(Kế hoạch số 71-KH/BTGTW ngày 3/3/2009 của Ban Tuyên giáo Trung ương về tuyên truyền, quảng bá 1000 năm Thăng Long - Hà Nội và Đại lễ kỉ niệm)

Trong ví dụ trên, Ban Tuyên giáo Trung ương muốn được Ban Chỉ đạo quốc gia kỉ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội cấp kinh phí thực hiện các hoạt động kỉ niệm.

2.2.2.2. Phân loại các HVNN khiến

Dựa vào sức mạnh của đích ở lời, có thể tiếp tục phân loại HVNN khiến thành:

+ HVNN khiến bắt buộc: Có nội dung mệnh đề hành vi mà người tiếp nhận phải thực hiện. Người phát ngôn (ở đây là cơ quan có thẩm quyền) cho rằng việc thực hiện chúng có khả năng mang lại lợi ích cho Nhà nước, xã hội và

có thể cho cả cá nhân người tiếp nhận. HVNN khiến bắt buộc gồm: *Yêu cầu, buộc, quy định, giao, cử, chỉ thị...*

Ví dụ 7: *Việc đảm bảo an toàn tính mạng và sức khoẻ cho học sinh là nhiệm vụ quan trọng cần đặt lên hàng đầu. Yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị giáo dục nghiêm túc rút kinh nghiệm và thực hiện đầy đủ những nội dung Sở đã chỉ đạo.*

(Công văn số 1348/SGD&ĐT-VP ngày 6 tháng 11 năm 2008 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc khắc phục hậu quả thiên tai)

+ HVNN khiến cấm đoán: Có nội dung mệnh đề là hành vi mà người tiếp nhận không được thực hiện. Người phát ngôn (ở đây là cơ quan có thẩm quyền) cho rằng việc thực hiện hành vi này có khả năng gây ra tác hại cho Nhà nước, xã hội và có thể cho cả cá nhân người tiếp nhận.

HVNN khiến cấm đoán gồm: *cấm, nghiêm cấm...*

Ví dụ 8: *Nghiêm cấm sản xuất, vận chuyển, buôn bán, tàng trữ, sử dụng trái phép thuốc phiện và các chất ma túy khác.* (Điều 61 - Hiến pháp 1992)

+ HVNN khiến cho phép: có nội dung mệnh đề là hành vi mà người tiếp nhận thực hiện hoặc không thực hiện. Người phát ngôn (ở đây là cơ quan có thẩm quyền) cho rằng việc thực hiện hoặc không thực hiện chúng có khả năng đem lại lợi và hại ngang nhau.

Ví dụ 9: *Khi kiểm tra, Bộ Tư pháp và Đoàn kiểm tra liên ngành được quyền yêu cầu cơ quan chủ quản thực hiện chương trình, dự án chấn chỉnh hoạt động hợp tác; nếu thấy có hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác thì kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.*

(Điều 20 khoản 4 Nghị định số 78/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về quản lý hợp tác với nước ngoài về pháp luật)

3. Kết luận

Sử dụng các tiêu chí của J.Searle như tính quan yếu của quan hệ liên cá nhân, sức mạnh của đích ở lời, nội dung mệnh đề và một số tiêu chí khác như lợi ích của người phát ngôn và

người tiếp nhận, tính áp đặt, chúng tôi đã phân loại HVNNCK trong VBHC thành hai loại: HVNN cầu, HVNN khiến; sau đó, tiếp tục phân loại hai loại HVNNCK trên thành những HVNN nhỏ hơn. Việc phân loại này sẽ giúp ích cho việc tìm hiểu đặc trưng của HVNNCK trong VBHC.

Tài liệu tham khảo

1. Chu Thị Thủy An (2002), *Câu cầu khiến tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học*, Tập 2, Ngữ dụng học, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Độ (1999), *Các phương tiện ngôn ngữ biểu hiện hành động thỉnh cầu trong tiếng Anh và tiếng Việt*, Luận án TS ĐHQGHN.
4. Nguyễn Thiện Giáp (2000), *Dụng học Việt ngữ*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
5. Vũ Thị Thanh Hương (1999), “Gián tiếp và lịch sự trong lời cầu khiến tiếng Việt?”, *TC Ngôn ngữ* (số 1), tr. 34-43.
6. Vũ Thị Thanh Hương (2000), *Chiến lược lịch sự thay đổi mức lợi - thiệt trong lời cầu khiến tiếng Việt*, *TC Ngôn ngữ* (số 10), tr. 39 - 48.
7. J.Lyons (2006), *Ngữ nghĩa học dẫn luận*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Đỗ Thị Thanh Nga (2003), *Câu cầu khiến trong văn bản hành chính*, LVThs Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.
9. Vương Đình Quyền (2006), *Lí luận và phương pháp công tác văn thư*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. J.Searle (1969), *Speech acts*, Cambridge at the University Press.
11. Trường Đại học Luật Hà Nội (2007), *Giáo trình Lí luận Nhà nước và pháp luật*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
12. Lê Đình Tường (2003), *Các yếu tố ngữ nghĩa của phát ngôn cầu khiến đích thực*, LATS Ngữ văn ĐHQG Hà Nội.
13. Viện Ngôn ngữ học (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng và Trung tâm từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng.
14. Viện Ngôn ngữ học (2002) *Tiếng Việt trong giao tiếp hành chính*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 28-10-2009)